

Số: 1165/TB-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO

**Trúng tuyển liên thông đại học chính quy đối với người đã có bằng đại học
(văn bằng 2 chính quy) - đợt 1, năm 2021**

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học năm 2021 theo Quyết định số 545/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 02/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Thông báo tuyển sinh số 695/TB-ĐHKQTĐ ngày 19/4/2021 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh trình độ đại học đối với người đã có bằng đại học đợt 1 năm 2021;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh liên thông đại học chính quy tại cuộc họp ngày 15/7/2021,

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo kết quả 102 thí sinh trúng tuyển liên thông chính quy đối với người đã có bằng đại học (VB2 chính quy) đợt 1 năm 2021.

(Danh sách trúng tuyển kèm theo)

Thí sinh trúng tuyển nhập học theo hướng dẫn sau:

1. **Thời gian, địa điểm nhập học:** thông báo sau do tình hình dịch Covid-19 chưa cho phép tập trung.
2. **Thời gian khai giảng và đi học** (dự kiến): 20/9/2021
3. **Các giấy tờ cần chuẩn bị khi nhập học:**

TT	Nội dung	Số lượng
1	Bản sao hợp pháp Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, thí sinh phải nộp kèm theo bản dịch công chứng và bản công nhận văn bằng do Cục Quản lý chất lượng (Bộ GD&ĐT) cấp	2 bản
2	Bản sao hợp pháp Bảng điểm đại học thứ nhất (toàn khoá học)	2 bản
3	Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) tại vb2cq.neu.edu.vn	1 bản
4	Phiếu đăng ký học	1 bản
5	Ảnh cỡ 4 x 6, ghi rõ họ, tên, ngày và nơi sinh (Tỉnh, TP) phía sau ảnh	2 chiếc
6	Bản sao hợp pháp các giấy tờ ưu tiên trong tuyển sinh (nếu có)	1 bản
7	Bản sao hợp pháp Giấy khai sinh	2 bản
8	Bản sao hợp pháp Chứng minh nhân dân/CCCD	1 bản

4. Học phí tạm thu: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng)

Thí sinh trúng tuyển nộp học phí bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin như sau:

Đơn vị hưởng: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Tài khoản số: 9999.2.6666.899;

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Chi nhánh Hà Nội.

Nội dung: Mã sinh viên_Họ tên_Nộp tiền học phí VB2CQ dot 1 nam 2021

(Ví dụ: 12201234_Phạm Lan Hương_Nộp tiền học phí VB2CQ dot 1 nam 2021)

Lưu ý: Học phí được tính theo tín chỉ; số tiền tạm nộp sẽ được khấu trừ sau khi các học phần đã được đăng ký học thành công.

5. Tổ chức đào tạo và thời gian đào tạo

- Chương trình đào tạo trình độ đại học; Hình thức đào tạo chính quy; Phương thức đào tạo theo tín chỉ;

- Thời gian đào tạo theo kế hoạch chuẩn là 4 năm, kéo dài tối đa là 2 năm. Sinh viên đã tốt nghiệp văn bằng thứ nhất, được công nhận chuyển đổi (bảo lưu) kết quả học tập và rút ngắn thời gian học tương ứng, có thể hoàn thành chương trình từ 1,5-2 năm.

- Mỗi năm có 2-3 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, hằng tuần học từ thứ 2 đến thứ 7 (có thể học cả chủ nhật), hằng ngày từ 6h00-20h00 hoặc từ 7h00-21h00.

- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân và phụ lục văn bằng hình thức đào tạo chính quy.

- Học phí: Mức học phí theo tín chỉ như hệ chính quy, năm 2021 khoảng từ 15-20 triệu đồng/năm tùy theo ngành học. Mức thay đổi theo từng năm học phù hợp với quy định của Nhà nước nhưng không quá 10%/năm.

Lưu ý: Đối với các ngành có số sinh viên (văn bằng 2 chính quy) ít hơn 20 sinh viên, Trường sẽ xếp lịch học chung với sinh viên đại học chính quy vào ban ngày và buổi tối các ngày trong tuần.

Thông báo này thay cho Giấy báo trúng tuyển. Thí sinh không làm thủ tục nhập học và chuyển khoản học phí theo thời gian quy định được xem là từ chối nhập học.

Thông tin chi tiết, thí sinh liên hệ số điện thoại **0888.128.558**; email: tuyensinhchinhquy@neu.edu.vn hoặc trực tiếp tại Phòng Quản lý Đào tạo, phòng 210 - tầng 2 - Nhà A1 - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (số 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Nơi nhận:

- Công TTĐT Trường (để t/b);
- Lưu TH, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



PGS.TS. Phạm Hồng Chương

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY) KHÓA 63 ĐỢT 1 NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1165/TB-ĐHKTQĐ ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng)

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Đại học đã học và tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển
1	12210001	NGUYỄN THÙY	AN	16/09/1986	Nữ	Đại học Vinh	Kế toán
2	12210002	NGUYỄN LAN	ANH	07/10/1998	Nữ	Trường Đại học Ngoại Thương	Kế toán
3	12210003	TRẦN KIM	CHI	16/04/1996	Nữ	Đại học Hòa Bình	Kế toán
4	12210004	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	07/07/1993	Nam	Đại học Xây dựng Hà Nội	Kế toán
5	12210005	TRẦN TRUNG	ĐỨC	02/12/1998	Nam	Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán
6	12210006	TRẦN THỊ	DUNG	08/02/1996	Nữ	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán
7	12210007	ĐẶNG THỊ NGỌC	HÀ	02/08/1987	Nữ	Đại Học Luật Hà Nội	Kế toán
8	12210008	PHẠM THU	HÀ	06/07/1998	Nữ	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Kế toán
9	12210009	LÊ THỊ	HẢI	19/03/1989	Nữ	Đại học Khoa Học Tự Nhiên, ĐH Quốc Gia	Kế toán
10	12210010	TÔN THỊ	HUÊ	28/09/1995	Nữ	Trường Đại Học Khoa Học Thái Nguyên	Kế toán
11	12210011	BÙI THỊ LAN	HƯƠNG	29/11/1998	Nữ	Trường Đại Học Kinh Tế Quốc Dân	Kế toán
12	12210012	NGUYỄN THU	HƯƠNG	12/10/1998	Nữ	Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Kế toán
13	12210013	BÙI THÚY	HƯỜNG	11/07/1994	Nữ	Đại học Lâm Nghiệp	Kế toán
14	12210014	NGUYỄN MINH	HUYỀN	18/11/1998	Nữ	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Kế toán
15	12210015	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	14/11/1997	Nữ	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán
16	12210016	NGÔ THỊ	LUYẾN	08/10/1998	Nữ	Trường đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán
17	12210017	TRẦN THỊ	LY	12/01/1998	Nữ	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán
18	12210018	VŨ THÚY	NGÂN	12/12/1995	Nữ	Đại học sư phạm Hà Nội	Kế toán
19	12210019	TRẦN THỊ	NGOAN	17/08/1991	Nữ	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Kế toán
20	12210020	NÔNG THỊ	NHI	05/09/1995	Nữ	Trường Đại Học Lâm Nghiệp	Kế toán
21	12210021	VŨ MINH	PHƯƠNG	19/12/1995	Nữ	Học viện Hành chính Quốc gia	Kế toán
22	12210022	CAO THỊ HẢI	QUYÊN	05/04/1997	Nữ	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	Kế toán
23	12210023	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	13/12/1988	Nữ	Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	Kế toán
24	12210024	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	08/12/1993	Nữ	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Kế toán
25	12210025	DƯƠNG THỊ BÍCH	THÊM	26/04/1988	Nữ	Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán
26	12210026	HÀ THỊ THANH	THÚY	02/10/1995	Nữ	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Kế toán
27	12210027	ĐOÀN THỊ THU	THỦY	20/09/1997	Nữ	Đại học Thủy Lợi	Kế toán
28	12210028	VŨ THÙY	TRANG	22/03/1995	Nữ	Đại Học Tài Chính Quản Trị Kinh Doanh	Kế toán
29	12210029	VƯƠNG MINH	TÚ	19/07/1993	Nam	Đại học Kiến trúc Hà Nội	Kế toán
30	12210030	LÊ THANH	TÙNG	30/09/1993	Nam	Đại học Phương Đông	Kế toán
31	12210031	PHAN NHẬT	VĂN	28/09/1986	Nam	Đại học mỏ địa chất Hà Nội	Kế toán
32	12210032	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	11/02/1989	Nữ	Đại học Giao thông vận tải Hà Nội	Kế toán
33	122010102	PHẠM TRƯỜNG	MINH	10/08/1989	Nam	Học viện Cảnh sát nhân dân	Kế toán
34	12210033	LÊ QUỲNH	ANH	02/06/1995	Nam	Đại Học Công Nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh
35	12210034	TRẦN PHƯƠNG	ANH	19/12/1997	Nữ	Đại Học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh
36	12210035	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	29/04/1995	Nam	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quản trị kinh doanh

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Đại học đã học và tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển
37	12210036	NGUYỄN ANH	ĐÔNG	08/09/1994	Nam	Đại học mô địa chất Hà Nội	Quản trị kinh doanh
38	12210037	Bùi Tiến	Dũng	25/04/1993	Nam	Trường Đại học Thủy Lợi Cơ Sở 1	Quản trị kinh doanh
39	12210038	VŨ QUANG	DUY	01/12/1996	Nam	Đại học tài nguyên và môi trường	Quản trị kinh doanh
40	12210039	NGUYỄN TRUNG	HẢI	14/03/1994	Nam	Đại học Kiến trúc Hà Nội	Quản trị kinh doanh
41	12210040	VŨ QUANG	HIỆP	11/12/1998	Nam	Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh
42	12210041	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	23/06/1996	Nam	Đại học công nghệ giao thông vận tải	Quản trị kinh doanh
43	12210042	VŨ GIA	MẠNH	02/08/1997	Nam	Trường đại học Kinh tế Kỹ thuật Công Nghiệp	Quản trị kinh doanh
44	12210043	VŨ KHÁNH	MINH	30/06/1998	Nữ	Đại học Luật Hà Nội	Quản trị kinh doanh
45	12210044	LƯƠNG MINH	NGỌC	12/11/1999	Nữ	Đại học Ngoại Ngữ	Quản trị kinh doanh
46	12210045	TÔ BÁ	NHẬT	30/06/1997	Nam	Đại Học Thủy Lợi	Quản trị kinh doanh
47	12210046	NGUYỄN LÂM	PHƯƠNG	07/06/1993	Nữ	Học viện Ngoại Giao	Quản trị kinh doanh
48	12210047	NGUYỄN ĐÌNH	SANH	10/11/1995	Nam	Đại Học Điện Lực	Quản trị kinh doanh
49	12210048	HOÀNG VĂN	SƠN	22/08/1996	Nam	Đại học kiểm sát Hà Nội	Quản trị kinh doanh
50	12210049	NGUYỄN TRƯỜNG	THÀNH	07/02/1997	Nam	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quản trị kinh doanh
51	12210050	NGUYỄN THẾ	TOÀN	23/11/1987	Nam	Đại học Kiến trúc và xây dựng Saint Peterburg	Quản trị kinh doanh
52	12210051	NGUYỄN VĂN	TÙNG	18/03/1990	Nam	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội - Học viện	Quản trị kinh doanh
53	12210052	TRẦN THANH	TÙNG	09/02/1998	Nam	Đại học Giao thông vận tải	Quản trị kinh doanh
54	12210053	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	10/11/1995	Nam	Đại học Công Nghiệp Việt Trì	Quản trị kinh doanh
55	12210054	NGUYỄN HIỆP	ANH	06/04/1994	Nam	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	Tài chính doanh nghiệp
56	12210055	NGUYỄN THỊ MAI	CHI	05/12/1994	Nữ	Đại học Luật Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
57	12210056	NGUYỄN ĐỨC	DŨNG	08/07/1991	Nam	Đại Học Y Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
58	12210057	PHẠM NGỌC	DŨNG	29/11/1994	Nam	Đại học xây dựng	Tài chính doanh nghiệp
59	12210058	TRẦN QUỐC	DŨNG	02/06/1990	Nam	Đại học xây dựng Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
60	12210059	PHẠM VĂN	GIANG	24/12/1990	Nam	Đại học Dược Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
61	12210060	NGUYỄN HỒNG	HÀ	17/10/1995	Nữ	Đại học Sư phạm Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
62	12210061	NGUYỄN MAI	HÀ	18/01/1997	Nam	Đại học kinh tế quốc dân	Tài chính doanh nghiệp
63	12210062	NGUYỄN THU	HÀ	18/12/1998	Nữ	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tài chính doanh nghiệp
64	12210063	ĐỖ THÀNH	HƯNG	06/04/1994	Nam	Đại học Luật Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
65	12210064	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	23/08/1995	Nữ	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tài chính doanh nghiệp
66	12210065	NGUYỄN THẢO	LY	31/07/1994	Nữ	Trường Đại Học Luật Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
67	12210066	LÊ THỊ THANH	NGA	02/05/1979	Nữ	Đại học công đoàn	Tài chính doanh nghiệp
68	12210067	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	01/06/1997	Nam	Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
69	12210068	NGUYỄN ĐĂNG	THẮNG	12/05/1996	Nam	Đại học Luật Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
70	12210069	NGUYỄN GIA	THÀNH	10/05/1996	Nam	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
71	12210070	PHẠM NGUYỄN	THÀNH	26/03/1998	Nam	Trường đại học giao thông vận tải	Tài chính doanh nghiệp
72	12210071	TRẦN NGUYỄN	THẢO	20/11/1994	Nữ	Đại học Nội vụ Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
73	12210072	PHẠM THU	THỦY	25/07/1995	Nữ	Đại học Luật Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
74	12210073	CHU QUỐC	TOẢN	27/08/1997	Nam	Trường đại học Luật Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
75	12210074	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	25/06/1987	Nam	Trường Đại học giao thông vận tải	Tài chính doanh nghiệp

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Đại học đã học và tốt nghiệp	Ngành trúng tuyển
76	12210075	BÙI QUANG	TUẤN	05/03/1993	Nam	Trường Đại học Thủy Lợi	Tài chính doanh nghiệp
77	12210076	NGUYỄN THANH	TÙNG	19/05/1984	Nam	Học viện kỹ thuật quân sự	Tài chính doanh nghiệp
78	12210077	NGUYỄN ĐÌNH	ƯỚC	28/02/1995	Nam	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Tài chính doanh nghiệp
79	12210078	LÝ THỊ PHƯƠNG	ANH	21/01/1996	Nữ	Đại học Hà Nội	Kinh tế
80	12210079	NGUYỄN HẢI	DUY	20/06/1995	Nam	Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	Kinh tế
81	12210080	HOÀNG THỊ	HIẾU	19/12/1996	Nữ	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	Kinh tế
82	12210081	TRẦN	KIÊN	03/02/1985	Nam	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	Kinh tế
83	12210082	MAI HỒNG	QUÂN	16/04/1996	Nam	Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Kinh tế
84	12210083	LÊ TUẤN	ANH	16/08/1995	Nam	Học viện nông nghiệp Việt Nam	Luật Kinh tế
85	12210084	MAI THỦY	ANH	20/06/1988	Nữ	Đại học Phương Đông	Luật Kinh tế
86	12210085	ĐÀO XUÂN	HÒA	16/05/1987	Nam	Đại học Giao thông vận tải	Luật Kinh tế
87	12210086	NGÔ HẢI	NAM	27/07/1997	Nam	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	Luật Kinh tế
88	12210087	NGUYỄN HOÀNG KIM	NGÂN	25/08/1997	Nữ	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	Luật Kinh tế
89	12210088	VŨ TRUNG	THỰC	07/12/1989	Nam	Đại Học Kinh Doanh và Công Nghệ Hà Nội	Luật Kinh tế
90	12210089	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	25/09/1997	Nữ	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Luật Kinh tế
91	12210090	VƯƠNG THỊ LAN	ANH	26/10/1995	Nữ	Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Ngôn ngữ Anh
92	12210091	TRẦN THỊ THU	HẰNG	08/05/1979	Nữ	Trường Đại học Luật Hà Nội	Ngôn ngữ Anh
93	12210092	TRẦN KHẢI	HÙNG	27/04/1984	Nam	Học Viện ngân hàng	Ngôn ngữ Anh
94	12210093	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	19/08/1983	Nữ	Đại học Sư phạm Hà Nội	Ngôn ngữ Anh
95	12210094	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	19/06/1989	Nữ	Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội	Ngôn ngữ Anh
96	12210095	NGÔ QUANG	KHẢI	03/08/1994	Nam	Đại học Kinh tế quốc dân	Ngôn ngữ Anh
97	12210096	VŨ THỊ HƯƠNG	LAN	17/10/1987	Nữ	Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội	Ngôn ngữ Anh
98	12210097	BÙI HỒNG	LINH	11/12/1996	Nữ	Đại học Ngoại Thương	Ngôn ngữ Anh
99	12210098	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	20/05/1983	Nữ	Trường Đại học DL Văn Hiến TP Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh
100	12210099	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	16/09/1997	Nam	Học viện công nghệ bưu chính viễn thông	Ngôn ngữ Anh
101	12210100	BÙI THỊ	TRANG	18/01/1994	Nữ	Đại học Kinh Tế Quốc Dân	Ngôn ngữ Anh
102	12210101	TRỊNH THU	TRANG	28/09/1993	Nữ	Đại học Lạc Hồng	Ngôn ngữ Anh

Danh sách trên gồm 102 thí sinh./.

TL HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

PGS.TS Bùi Đức Triệu